

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022

Năm 2022, cùng với cả nước, tỉnh Vĩnh Phúc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới phải đối mặt với những căng thẳng địa chính trị, lạm phát gia tăng, gián đoạn nguồn cung năng lượng cùng các vấn đề về biến đổi khí hậu. Ở trong nước và trên địa bàn tỉnh, dịch Covid-19 diễn ra phức tạp vào ngay sau thời điểm Tết Nguyên đán; giá cả các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng tăng cao; thời tiết diễn biến bất thường với những đợt rét đậm, rét hại, mưa lớn kéo dài gây ngập úng cục bộ tại một số địa phương... đã tác động không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế. Song, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Vĩnh Phúc đã kịp thời triển khai thực hiện nhiều nhóm giải pháp đồng bộ để nhanh chóng khắc phục các khó khăn, đồng thời thực hiện hiệu quả “Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ”. Nhờ vậy, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có bước phát triển khá. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản cơ bản duy trì ổn định; sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh; các ngành dịch vụ phục hồi mạnh mẽ; an sinh xã hội được bảo đảm; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn

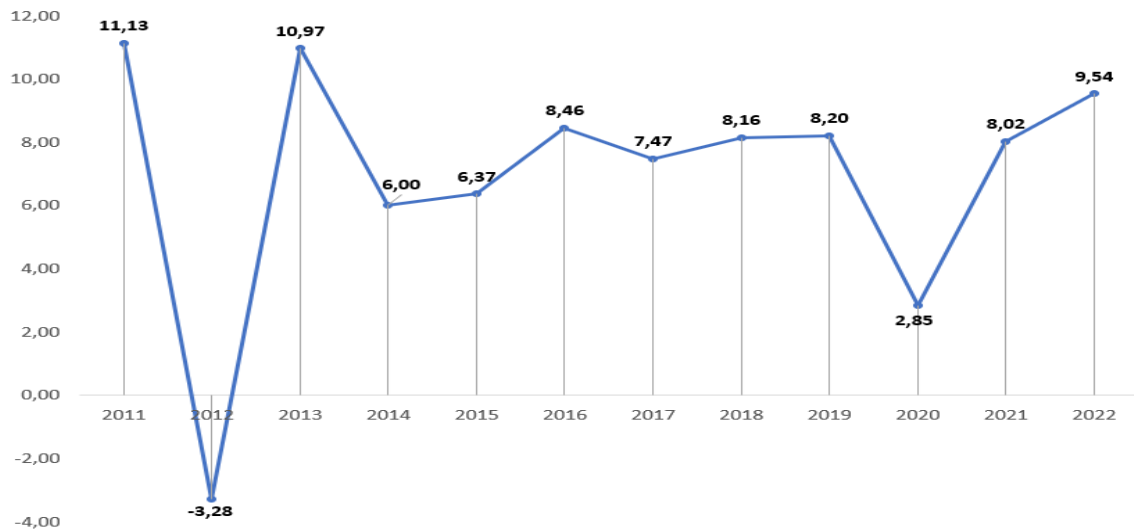
Vượt qua những khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và những tác động tiêu cực của tình hình kinh tế thế giới, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 đạt mức tăng khá, ước tăng 9,54% so với năm trước, cao nhất trong giai đoạn 2014-2022, đứng thứ 5 vùng Đồng bằng Sông Hồng¹ và thứ 17 cả nước về tốc độ tăng GRDP². Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và

¹ Thấp hơn tốc độ tăng của Hưng Yên (13,41%); Hải Phòng (12,32%); Hà Nam (10,82%); Quảng Ninh (10,28%)

² Giảm 8 bậc về tốc độ tăng so với năm 2021. Năm 2021, nhiều tỉnh có tốc độ tăng trưởng âm hoặc tăng thấp do chịu ảnh hưởng của đại dịch, năm 2022 đạt tốc độ cao như: Đà Nẵng năm 2021 tăng 0,18%, năm 2022 tăng 14,05%; Khánh Hòa năm 2021 âm 5,68%, năm 2022 tăng 20,70%; Cần Thơ năm 2021 âm 2,79%, năm 2022 tăng 12,64% ...

thủy sản ước tăng 0,23%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 13,41%, khu vực dịch vụ tăng 9,61%.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Vĩnh Phúc giai đoạn 2011-2022



1.1. Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị tăng thêm (GTTT) khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 0,23% so với cùng kỳ, chủ yếu đóng góp từ ngành chăn nuôi. Năm 2022, ngành sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tuy gặp khó khăn về giá thức ăn tăng cao, giá bán một số sản phẩm thấp, đặc biệt là chăn nuôi lợn³ ... song tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng và các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu khác đều tăng so với cùng kỳ: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 4,74%, trong đó thịt lợn hơi tăng 5,52%; thịt gia cầm hơi tăng 4,34%; sản lượng trứng gia cầm tăng 7,72%; sản lượng sữa bò tăng 13,45%. Tăng trưởng ngành chăn nuôi tăng 5,60%, đóng góp 0,16 điểm % vào tăng trưởng chung.

Ngành trồng trọt do ảnh hưởng thời tiết diễn biến bất thường: rét đậm, rét hại ở vụ Đông, mưa lớn cuối tháng 5 ở vụ Xuân đã gây thiệt hại nặng cho ngành trồng trọt. Năng suất, sản lượng thu hoạch của các loại cây trồng cả năm 2022 đều giảm so với cùng kỳ⁴. Giá trị tăng thêm ngành trồng trọt giảm 8,95%, làm giảm 0,17 điểm % tăng trưởng.

Ngành Lâm nghiệp tiếp tục sản xuất ổn định, tăng 3,23% so với cùng kỳ.

³ giá bán lợn hơi trên thị trường không ổn định, giá lợn hơi tăng vào đầu quý II, nhưng đang có xu hướng giảm vào những tháng cuối năm, gây tâm lý e ngại cho người chăn nuôi trong việc tái đàn, mở rộng quy mô.

⁴ Vụ Đông Xuân chịu ảnh hưởng của thời tiết bất lợi làm 7.701,0 ha lúa bị ngập. Năng suất lúa cả năm chỉ đạt 53,24 tạ/ha, giảm 11,01%; sản lượng đạt 282.586,1 tấn, giảm 11,94% so với cùng kỳ; Năng suất ngô đạt 45,83 tạ/ha, giảm 5,07% ; sản lượng ước đạt 43.871,28 tấn, giảm 1,02% ; Năng suất gieo trồng rau các loại đạt 193,61 tạ/ha, giảm 14,21%; sản lượng ước đạt 204.929,54 tấn, giảm 13,81%.

Sản xuất thủy sản gặp nhiều khó khăn, thách thức do giá thức ăn tăng cao, mưa lớn gây ngập úng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, song với sự chỉ đạo quyết liệt và sự nỗ lực cố gắng của người sản xuất, kết quả sản xuất vẫn đạt khá và tăng 2,03% so với cùng kỳ.

1.2. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng

GTTT khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 13,41%, đóng góp 6,54 điểm % vào tăng trưởng của tỉnh, là mức tăng cao thứ hai trong giai đoạn 2012-2022⁵. Trong đó, công nghiệp tăng 14,37%, đóng góp 6,21 điểm %.

Trong công nghiệp, ngành sản xuất linh kiện điện tử trên địa bàn tiếp tục duy trì mức tăng khá, GTTT của ngành tăng 23,08%, đóng góp 4,36 điểm % vào tốc độ tăng GRDP của tỉnh. Ngành sản xuất ô tô mặc dù gặp khó khăn trong quý III do tình trạng thiếu hụt chip bán dẫn trên toàn cầu nhưng sang quý IV, tình hình được khắc phục, cùng với đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm đã sôi động hơn do nhu cầu tiêu thụ tăng cao dịp cuối năm. Giá trị tăng thêm của ngành sản xuất ô tô năm 2022 tăng 5,06%, đóng góp 0,21 điểm % vào mức tăng GRDP. Ngành sản xuất xe máy tăng 15,63%, đóng góp 1,41 điểm % vào mức tăng GRDP. Sản lượng xe máy tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, do Honda và Piaggio là 2 doanh nghiệp sản xuất xe máy chủ lực của tỉnh đã chủ động nghiên cứu và đưa ra thị trường các dòng sản phẩm mới với nhiều cải tiến vượt trội. Các ngành công nghiệp còn lại ổn định.

Ngành xây dựng: Sự biến động lớn về giá xăng dầu, giá vật liệu xây dựng, chi phí nhân công trong thời gian qua đã làm tăng chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn cho nhà thầu và chủ đầu tư, đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây lắp của một số công trình, dự án. Tuy nhiên, tỉnh đã tập trung, quyết liệt trong chỉ đạo xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Các chủ đầu tư và đơn vị thi công đã tập trung nhân lực, phương tiện máy móc để đẩy nhanh tiến độ thi công nhất là các dự án trọng điểm, hạn chế ảnh hưởng của biến động giá vật liệu, tiết giảm chi phí và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh nên ngành xây dựng tiếp tục đạt mức tăng khá, GTTT ngành xây dựng năm 2022 tăng 5,96% so năm trước, đóng góp 0,33 điểm % tăng trưởng GRDP của tỉnh.

1.3. Tăng trưởng khu vực dịch vụ

Trong quý I/2022, các lĩnh vực dịch vụ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trong đó đặc biệt là kinh doanh ăn uống, du lịch lữ hành, vận tải,... Từ quý II, các hoạt động trở lại bình thường và ổn định, hoạt động du lịch, vui chơi giải trí

⁵ Thấp hơn mức tăng 16,40% của năm 2018

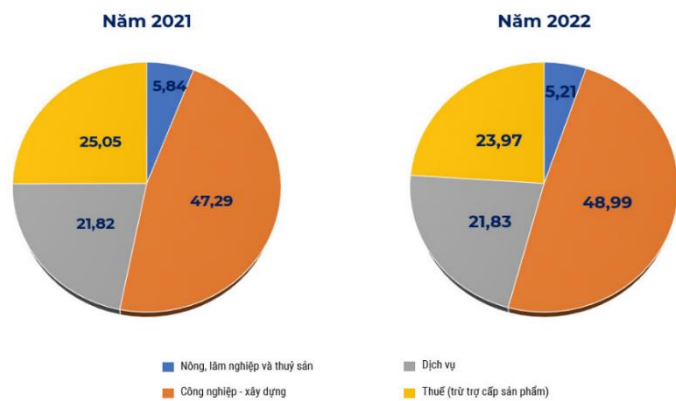
được nhiều người dân tham gia; số lượt khách đến nhà hàng, trung tâm mua sắm, các điểm bán lẻ, địa điểm vui chơi đã dần trở lại tạo điều kiện cho hoạt động dịch vụ phục hồi và tăng trưởng. GTTT ngành dịch vụ đạt mức tăng 9,61%, đóng góp 1,92 điểm % vào mức tăng GRDP, cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong đó tăng trưởng của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm nền kinh tế, cụ thể: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 13,50% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,73 điểm % vào mức tăng GRDP⁶; ngành vận tải kho bãi tăng 17,50%, đóng góp 0,26 điểm %; Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 17,62%, đóng góp 0,17 điểm %; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,04%, đóng góp 0,19 điểm %; Thông tin và truyền thông tăng 8,89%, đóng góp 0,18 điểm %.

1.4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp

Thuế sản phẩm năm 2022 tăng 4,18% so với cùng kỳ, đóng góp vào mức tăng GRDP của tỉnh là 1,07 điểm%. Chính sách giảm thuế mới với mức thuế suất thuế GTGT giảm từ 10% xuống còn 8% đã ảnh hưởng tới thu ngân sách và tác động tới tốc độ tăng thuế sản phẩm trong GRDP tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển, một số ngành sản xuất chủ lực vẫn đạt mức tăng trưởng khá so với năm trước như sản xuất ô tô, xe máy, sản xuất linh kiện điện tử... nên đã đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách của tỉnh.

1.5. Về quy mô, cơ cấu kinh tế

Quy mô GRDP tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 153,12 nghìn tỷ đồng, tăng 15,78 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 11,49% so với năm 2021. Quy mô kinh tế của Vĩnh Phúc đứng thứ 6 Vùng Đồng Bằng Sông Hồng⁷ và đứng thứ 14 cả nước.



Quy mô GRDP bình quân đầu người ước đạt 127,85 triệu đồng/người, tăng 12,62 triệu đồng/người, tương đương tăng 10,95% so với năm 2021, đứng thứ 5

⁶ Trong đó, hoạt động bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng trên 20%; bán lẻ tăng 14% nhờ thực hiện các chính sách như giảm 50% thuế trước bạ đối với xe ô tô sản xuất trong nước (theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP của Chính phủ) và giảm 2% thuế GTGT (theo Nghị quyết 43/2022/QH15 & Nghị định 15/2022/NĐ-CP) đã kích cầu tiêu dùng của người dân.

⁷ Đứng sau Hà Nội (1.196 nghìn tỷ); Hải Phòng (365,6 nghìn tỷ); Quảng Ninh (269,2 nghìn tỷ); Hải Dương (169,2 nghìn tỷ)

vùng Đồng bằng Sông Hồng và tiếp tục duy trì vị trí thứ 9 cả nước về GRDP bình quân đầu người.

Cơ cấu kinh tế trên địa bàn tiếp tục chuyển dịch tích cực, đúng định hướng. Năm 2022, tỷ trọng GTTT khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 48,99% trong GRDP theo giá hiện hành; khu vực dịch vụ chiếm 21,83%; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5,21%; thuế sản phẩm chiếm 23,97% (Cơ cấu năm 2021 tương ứng là: 47,29%; 21,82%; 5,84%; 25,05%)

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Năm 2022, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến bất thường: rét đậm, rét hại ở vụ Đông, mưa lớn cuối tháng 5 ở vụ Xuân đã gây thiệt hại nặng cho ngành trồng trọt. Năng suất, sản lượng thu hoạch của các loại cây trồng cả năm 2022 đều giảm so với năm trước. Ngành chăn nuôi phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng và các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ.

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Cây hàng năm: Năm 2022, thời tiết có những diễn biến bất thường, mưa lớn xảy ra trên diện rộng gây ngập úng nhiều diện tích gieo trồng, nhiều diện tích cây trồng bị ảnh hưởng hoặc mất trắng nên năng suất và sản lượng thu hoạch giảm; giá vật tư nông nghiệp ở mức cao, nhất là giá phân bón vô cơ liên tục tăng làm gia tăng chi phí đầu vào..., nhưng với nỗ lực của các cấp, các ngành và bà con nông dân, sản xuất cây hàng năm của tỉnh tiếp tục đạt kết quả khá, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, an ninh lương thực và ổn định đời sống của Nhân dân.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm của toàn tỉnh tiếp tục xu hướng giảm do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng mức giảm thấp nhất kể từ năm 2016⁸. Cơ cấu diện tích của một số cây trồng chính trên địa bàn có sự thay đổi theo hướng giảm diện tích lúa, tăng diện tích ngô, rau, đậu các loại và hoa⁹. Năm 2022 tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 85,67 nghìn ha, giảm 0,02% (giảm 15,99 ha) so với năm trước. Trong đó, cây lúa tiếp tục là cây trồng chủ lực của tỉnh với diện tích đạt 53,08 nghìn ha, chiếm 61,96% tổng diện tích gieo trồng; năng suất lúa bình quân cả năm đạt 53,24 tạ/ha, giảm 11,01% (-6,58 tạ/ha). Huyện Yên Lạc và Vĩnh Tường cho năng suất lúa thu hoạch vượt trội so với các huyện

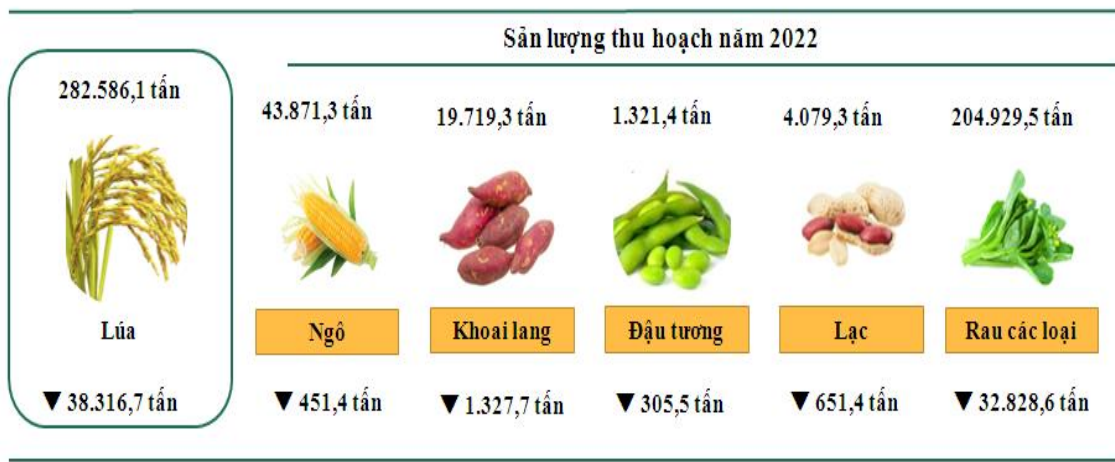
⁸ Tỷ lệ giảm các năm từ năm 2016 đến năm 2020 là: 0,94%; 2,47%; 2,87%; 4,61%; 0,88%; 0,28%

⁹ Năm 2021, diện tích lúa là 53.640,03 ha, chiếm 62,6%; ngô là 9181,23 ha, chiếm 10,68%; rau, đậu các loại và hoa là 10534,72 ha, bằng 12,29%

khác, đạt lần lượt là 64,1 tạ/ha và 62,72 tạ/ha; huyện Tam Đảo năng suất thu hoạch thấp nhất chỉ đạt 50,66 tạ/ha.

Trong năm, ngành trồng trọt chịu ảnh hưởng thời tiết diễn biến bất thường: rét đậm, rét hại ở vụ Đông, mưa lớn kéo dài, xảy ra trên diện rộng vào cuối tháng Năm khiến một số cánh đồng bị ngập úng, nhiều diện tích cây trồng vụ Xuân bị ảnh hưởng hoặc mất trắng gây thiệt hại nặng¹⁰. Năng suất và sản lượng thu hoạch cả năm của hầu hết các loại cây đều giảm so với năm trước. Kết quả sơ bộ năng suất, sản lượng của một số loại cây trồng chính năm 2022 như sau:

Hình 3. Sản lượng thu hoạch năm 2022 của một số cây trồng chủ yếu



* *Tiến độ gieo trồng vụ Đông năm 2022 - 2023*: Trong tháng, bà con nông dân các địa phương tiếp tục chăm sóc và thu hoạch một số loại cây vụ đông. Tổng diện tích cây trồng các loại ước đạt 14.759 ha, giảm 4,5% so với năm trước. Diện tích gieo trồng các loại cây chính vụ đông năm nay đều giảm so với vụ đông năm trước: Ngô giảm 3,66%; khoai lang giảm 3,0%; Lạc giảm 13,72%; đậu tương giảm 13,72%; rau các loại giảm 3,56%;... Nguyên nhân do cơn bão số 4 làm mưa lớn xảy ra trên diện rộng (từ ngày 28/9/2022 đến 01/10/2022) nên tiến độ làm đất cho gieo trồng cây vụ đông năm 2022 - 2023 của tỉnh bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, một phần lao động trong nông nghiệp đã chuyển sang làm công việc khác ở khu vực kinh tế công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ để có thu nhập cao hơn, lao động làm nông nghiệp giảm đáng kể nên nhiều diện tích đất bị bỏ trống, không gieo trồng.

Cây lâu năm: Năm 2022, tỉnh đã đẩy mạnh sản xuất cây lâu năm theo hướng phát triển toàn diện và bền vững, đảm bảo sản xuất và chế biến hàng hóa gắn với

¹⁰ Diện tích lúa bị ngập là 7.701 ha, trong đó diện tích lúa bị mất trắng là 4.851 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Vĩnh Tường (1.050 ha), Yên Lạc (854 ha), Tam Dương (495 ha)...; diện tích hoa màu bị ngập 2.090 ha, trong đó diện tích mất trắng 1.752 ha.

nhu cầu thị trường, nhân rộng các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn; đã xây dựng được một số thương hiệu nông sản đặc trưng của tỉnh¹¹. Các sản phẩm này đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều lần so với sản phẩm từ các cây trồng truyền thống trước đây, góp phần nâng cao giá trị hàng nông sản của tỉnh, giải quyết việc làm và mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người nông dân. Tuy nhiên, cây lâu năm của tỉnh chủ yếu được trồng trên đất vườn của các hộ gia đình nên việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn gặp khó khăn; quá trình sinh trưởng phụ thuộc vào điều kiện thời tiết nên nhiều loại cây có năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm chưa cao.

Tổng diện tích các loại cây lâu năm trên địa bàn ước đạt 8.276 ha, giảm 1,28% (-107,28 ha) so với năm 2021. Diện tích cây ăn quả đạt 7.783,04 ha, chiếm 94,05% trong tổng diện tích trồng cây lâu năm của tỉnh. Trong đó: cây xoài 680 ha, giảm 0,19%; chuối 1.920 ha, tăng 0,43%; thanh long 401 ha, tăng 1,02%; bưởi 823 ha giảm nhẹ; cây nhãn 624 ha, giảm 6,18%; vải 1.646 ha giảm 109 ha;...

b. Chăn nuôi

Sản xuất chăn nuôi trong năm gặp một số khó khăn: Sản xuất chăn nuôi còn nhỏ lẻ, phân tán; giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá một số loại sản phẩm chăn nuôi không ổn định, nhất là giá thịt lợn hơi đã ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất và mở rộng quy mô chăn nuôi trong dân. Tuy nhiên, trong năm 2022, nhiều giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất; các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học được áp dụng rộng rãi hơn đã góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và chuyển dịch hiệu quả cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Do vậy, sản xuất chăn nuôi của năm vẫn có sự phát triển khá so với năm trước, các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu như: Sữa bò tươi, thịt lợn, thịt gia cầm, trứng gà đều tăng.

Số lượng đầu gia súc, gia cầm ước tính thời điểm 31/12/2022 và so với cùng kỳ: Đàn trâu có 17,2 nghìn con, giảm 2,85%; đàn bò 97,8 nghìn con, giảm 0,05%, riêng đàn bò sữa 16,7 nghìn con, tăng 4,96%; đàn lợn (không bao gồm lợn con theo mẹ) 492,9 nghìn con, tăng 3,4%; đàn gia cầm 12,25 triệu con, tăng 0,23%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2022 đạt 125,85 nghìn tấn, tăng 4,74% so với cùng kỳ. Ngoài sản lượng thịt trâu, bò hơi giảm 1,43%, các sản phẩm chăn nuôi khác đều tăng khá: thịt lợn đạt 79,75 nghìn tấn, tăng 5,52%; thịt gia cầm đạt 39,04 nghìn tấn, tăng 4,34%; sản lượng trứng gia cầm đạt 670,21 triệu quả, tăng 7,72%; sản lượng sữa bò tươi đạt 54,5 nghìn tấn, tăng 13,45% so với cùng kỳ.

11 Thanh long ruột đỏ, chuối tiêu hồng, nho hạ đen toàn tỉnh đã có 15 mã số thanh long được đăng ký xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Úc, Newzealand, Hoa Kỳ; 01 mã bưởi xuất khẩu sang thị trường các nước châu Âu (EU); 02 mã chuối xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Toàn tỉnh đã có 10 sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên có nguồn gốc từ cây lâu năm là trà hoa vàng, thanh long ruột đỏ, nghệ, định lăng và nho đen

Biểu 1. Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu năm 2022

Chỉ tiêu	Sản lượng			So với năm 2021 (%)		
	Tháng 12	Quý IV	Cả năm	Tháng 12	Quý IV	Cả năm
Thịt hơi xuất chuồng (tấn)						
Thịt trâu	121,0	360,0	1.417,3	99,16	98,16	97,35
Thịt bò	479,5	1.429,0	5.646,5	97,46	97,78	98,88
Thịt lợn	6.409,6	18.947,6	79.748,0	106,81	105,97	105,52
Thịt gia cầm	3.269,4	9.454,4	39.039,5	104,07	104,68	104,34
Trứng gia cầm (nghìn quả)	56.188,9	170.688,9	670.205,7	109,53	109,42	107,72
Sữa (tấn)	4.400,0	13.300,0	54.500,0	119,59	117,92	113,45

Các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi được cơ quan chức năng và các hộ chăn nuôi thực hiện tốt; Công tác tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm và phun khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi năm 2022 đạt tiến độ, kế hoạch đề ra; Trên địa bàn tỉnh đến nay xuất hiện 1 ổ dịch cúm gia cầm tại 1 hộ chăn nuôi ở Vĩnh Yên làm chết 2.000 con gia cầm, ngoài ra không phát hiện các ổ dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác; 01 ổ dịch tả lợn Châu Phi ở xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tổng số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 30 con với trọng lượng bình quân 30kg/con. Các cơ quan chuyên môn đã thực hiện biện pháp xử lý, khoanh vùng, bao vây không để phát sinh thêm ổ dịch mới. Dịch bệnh Lở mồm long móng, Tai xanh... chưa phát sinh trên địa bàn tỉnh.

2.2. Sản xuất lâm nghiệp

Trong năm 2022, toàn tỉnh trồng mới tập trung được 700 ha, tăng 2,03% so với năm 2021; số lượng cây phân tán trồng được đạt 624,8 nghìn cây, vượt chỉ tiêu kế hoạch nhưng giảm nhiều so với năm 2021 do quỹ đất trồng cây phân tán ngày càng hạn chế. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 47.115,3 m³, tăng 4,01%; sản lượng củi khai thác đạt 48.939 ste, giảm 8,11% so với năm 2021. Công tác quản lý rừng, phòng, chống cháy rừng tiếp tục được các ngành chức năng và chủ rừng chú trọng thực hiện. Trong năm, trên địa bàn tỉnh có xảy ra một điểm phát lửa do cháy cây bụi tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên và 01 vụ cháy rừng trồng sản xuất tại xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch (tổng diện tích cháy là 8,05 ha, song có hơn 6 ha là cháy cây bụi, không ảnh hưởng đến các cây lấy gỗ nên diện tích thiệt hại được ngành chức năng xác định là 2,0 ha)

2.3. Sản xuất thủy sản

Năm 2022, sản xuất thủy sản của tỉnh gặp một số khó khăn nhất là trong 6 tháng đầu năm khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán tại các địa phương trên cả nước, việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa bị hạn chế, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản giảm. Bên cạnh đó, đợt mưa lớn xảy ra

vào tháng Năm trên địa bàn đã khiến nhiều ao, hồ, đầm bị ngập, tràn, cuốn trôi, hư hỏng, một phần diện tích các ao nuôi thủy sản của người dân bị bồi lấp gây thiệt hại về kinh tế... Tuy vậy, do giá sản phẩm thủy sản trên thị trường ổn định ở mức cao, người nuôi trồng có lãi nên tiếp tục duy trì quy mô sản xuất. Những tháng cuối năm, người dân tích cực chăm sóc đàn cá thương phẩm để đảm bảo nguồn cung cho dịp tết Nguyên đán sắp tới.

Năm 2022, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 24.018,3 tấn, tăng 1,57%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 1.891 tấn, tăng 0,12%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 22,13 nghìn tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ. Sản lượng con giống sản xuất trong năm ước đạt 3.109,5 triệu con, tăng 2,17%. Diện tích nuôi trồng ước đạt 6.473,4 ha, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

3. Sản xuất công nghiệp

Năm 2022, sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn gặp một số khó khăn, thách thức: Tình trạng thiếu hụt cục bộ chuỗi cung ứng vật tư và lao động diễn ra tại một số ngành sản xuất; giá các loại nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, cước vận tải, chi phí logistics ở mức cao làm gia tăng chi phí sản xuất; số lượng đơn đặt hàng mới giảm do chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát tại các thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ, EU... Song, cùng với sự vào cuộc của các cấp, ngành chức năng, các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động khắc phục khó khăn, xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, linh hoạt, nâng cao hiệu quả và tối ưu công suất dây chuyền sản xuất. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2022 phát triển ổn định và ghi nhận mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ, giữ vững vai trò là động lực tăng trưởng chính trong toàn bộ nền kinh tế của tỉnh.

3.1 Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 12/2022, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) giảm 2,75% so với tháng trước và tăng 13,45% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,58%; ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 7,47%; ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,53%; riêng ngành Khai khoáng giảm 75,60%.

Ước tính cả năm 2022, IIP tăng 15,83% so với cùng kỳ, cao nhất kể từ năm 2019 trở lại đây (quý I tăng 14,46%; quý II tăng 17,30%; quý III tăng 14,03%; quý IV tăng 17,24%).

Trong các ngành công nghiệp cấp II, có 18/24 ngành có chỉ số sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước, 6/24 ngành có chỉ số sản xuất giảm. Một số ngành công

nghiệp chủ lực vẫn duy trì tốc độ tăng khá, phát huy vai trò quan trọng trong sản xuất công nghiệp của tỉnh: sản xuất linh kiện điện tử tăng 21,9%; sản xuất xe máy tăng 16,52%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,23%; dệt tăng 8,94%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 4,11%;... Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ: khai khoáng khác giảm 40,34%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 4,34%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 7,5%; sản xuất kim loại giảm 5,75%; chế biến chế tạo khác giảm 0,9% so với cùng kỳ;...

3.2. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2022

Nhìn chung các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh đều có sản lượng sản xuất ước tính tăng so với cùng kỳ, đóng góp tích cực vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp, cụ thể: Giày thể thao ước đạt 14.686,2 nghìn đôi, tăng 12,23%; gạch ốp lát 115.795,7 nghìn m², tăng 4,11%; máy điều hòa không khí 13.464 cái, tăng 9,29%; ô tô các loại 55.112 xe, tăng 1,16%; xe máy các loại 1.668.234 chiếc, tăng 16,52%; doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử ước đạt 222.333 tỷ đồng, tăng 21,90% so với năm 2021.

Biểu 2. Tốc độ tăng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 12 và cả năm 2022 so với cùng kỳ (%)

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
		Tháng 12 năm 2022	Năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Năm 2022
Giày thể thao	Nghìn đôi	1.465,7	14.686,2	+16,05	+12,23
Gạch ốp lát	Nghìn m ²	7.499,7	115.795,7	-21,92	+4,11
Xe ô tô các loại	Chiếc	4.243	55.112	-26,55	+1,16
Xe máy các loại	Chiếc	182.751	1.668.234	+16,68	+16,52
Doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Tỷ đồng	23.481,8	222.333,1	+25,36	+21,90

3.3. Chỉ số sử dụng lao động

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/12/2022 tăng 2,86% so với tháng trước và tăng 4,63% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, chỉ số sử dụng lao động tăng 1,34% so với năm 2021, ngoại trừ ngành B, ba ngành công nghiệp C, D, E đều ghi nhận chỉ số sử dụng lao động tăng so với cùng kỳ.

3.4. Chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 năm 2022 giảm 3,20% so với tháng trước và giảm 7,31% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế đến hết năm 2022, chỉ số tiêu thụ tăng 10,11%. So với năm trước, 14 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ năm 2022 tăng; một số ngành tăng cao là: Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 19,07%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 18,77%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 17,98%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 14,26%...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thời điểm cuối tháng Mười hai giảm 5,09% so với tháng trước và giảm 32,27% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 06 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho tăng, 10 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho giảm, 02 ngành giữ mức ổn định. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 41,74%; dệt tăng 37,22%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 28,25%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 12,42%. Các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 43,06%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 32,89%; sản xuất thiết bị điện giảm 22,66%.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Nền kinh tế phục hồi nhanh chóng sau đại dịch, Chính phủ ưu tiên ổn định, phát triển kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát,... Do đó, tình hình đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động đạt kết quả khả quan, cao gấp 2,7 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường và cũng là năm có số doanh nghiệp tham gia vào thị trường cao nhất kể từ khi tái lập tỉnh Vĩnh Phúc đến nay.

Tính đến ngày 15/12/2022, toàn tỉnh có 1.317 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 21.530 tỷ đồng, tăng 12,66% về số doanh nghiệp, tăng 74,51% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước¹². Ước tính tạo thêm 9.950 việc làm cho lao động trong và ngoài tỉnh.

Xét theo khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ có xu hướng hồi phục mạnh mẽ nhất sau đại dịch với số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất là 829 doanh nghiệp, chiếm 62,95%, tổng vốn đăng ký mới đạt 7.311 tỷ đồng, tăng 18,09% về số doanh nghiệp, giảm nhẹ 3,29% về vốn đăng ký. Trong đó, số lượng doanh nghiệp thành lập lớn nhất ở ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là 438 doanh nghiệp (chiếm 52,83% trong khu vực dịch vụ) với tổng

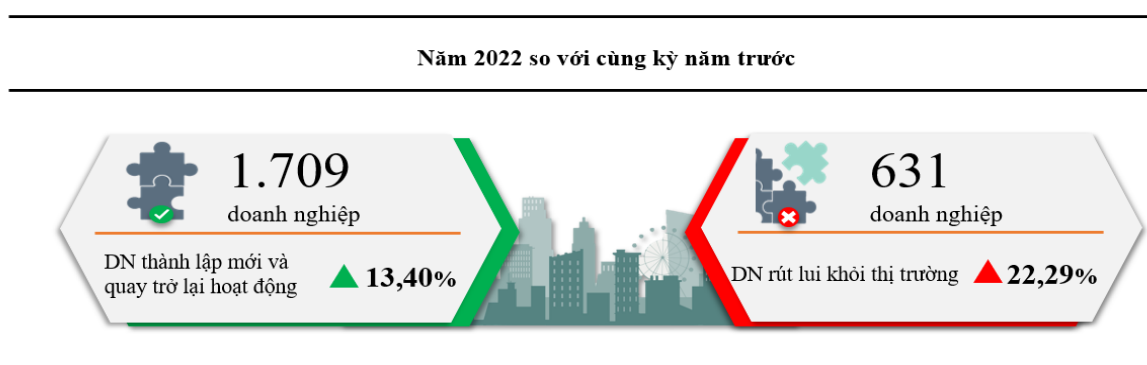
¹² Tăng đột biến ở 01 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn điều lệ 9.900 tỷ đồng.

vốn đăng ký đạt 2.977 tỷ đồng. Ước tính tạo thêm việc làm cho 2.196 lao động.

Khu vực công nghiệp, xây dựng với 477 doanh nghiệp (chiếm 36,22%) đạt 14.127 tỷ đồng đăng ký mới, tăng 4,84% về số doanh nghiệp và tăng 209,31% về vốn đăng ký. Ước tính tạo thêm việc làm cho 5.452 lao động, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo là ngành tạo thêm được nhiều việc làm nhất với 4.414 việc làm cho lao động, đây cũng là ngành có thu nhập bình quân cao nhất so với các ngành còn lại.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường có xu hướng tích cực với 392 doanh nghiệp, tăng 15,98% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2022 lên 1.709 doanh nghiệp. Trung bình mỗi tháng có 142 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng cao so với năm 2021¹³.

Hình 4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp



Ở chiều hướng ngược lại, giá năng lượng, hàng hóa cơ bản tăng mạnh, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lạm phát tăng cao tại nhiều quốc gia là đối tác lớn của nước ta gây nên thiếu hụt nguồn tiền cho việc khôi phục sản xuất, duy trì hoạt động kinh doanh. Do vậy, nhiều doanh nghiệp phải lựa chọn giải pháp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, chủ yếu ở các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể là 631 doanh nghiệp, tăng 22,29% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 546 doanh nghiệp, tăng 29,69%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 85 doanh nghiệp, giảm 10,53%. Trung bình mỗi tháng có 52 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

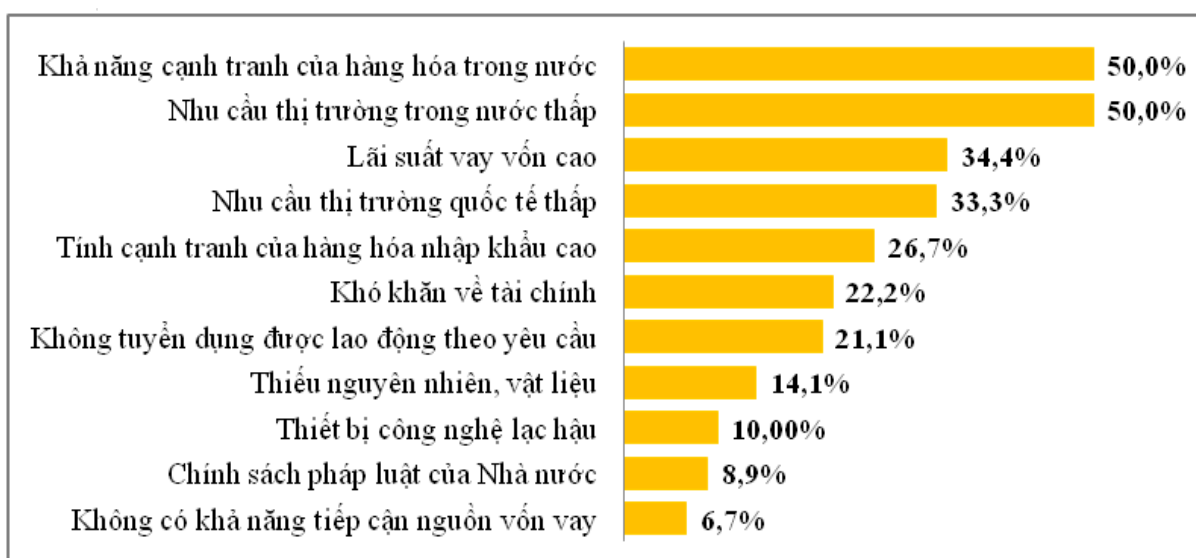
4.2. Xu hướng SXKD của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV năm nay cho thấy: Có 34,4% doanh nghiệp

¹³ Năm 2021 trung bình mỗi tháng có 125 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

đánh giá tốt hơn so với quý III; 40,0% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 25,6% doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn. Nhận định về quý I/2023, có 42,2% doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý IV/2022; 18,9% doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 38,9% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước có nhận định lạc quan nhất với 87,23% doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2023 tốt hơn và giữ ổn định so với quý IV/2022; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 78,05%; riêng ở khu vực doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp đều đưa ra nhận định hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý tiếp theo sẽ gặp khó khăn hơn so với quý hiện tại.

Hình 5. Cơ cấu doanh nghiệp phân theo mức độ đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV/2022



Xét về các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý IV, có 50,0% doanh nghiệp nhận định khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao và nhu cầu của thị trường trong nước thấp là 02 yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 34,4% doanh nghiệp cho rằng lãi suất vay vốn cao; 33,3% doanh nghiệp đánh giá nhu cầu của thị trường quốc tế thấp; 26,7% doanh nghiệp lựa chọn tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu cao...

5. Thương mại, dịch vụ

Năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt trên địa bàn nhất là trong 6 tháng cuối năm, hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh phục hồi tích cực và có sự tăng trưởng ở hầu hết các lĩnh vực. Doanh thu các ngành thương mại, dịch vụ, vận tải đạt kết quả tốt và

tăng cao so với năm trước, hàng hoá trên thị trường tiêu dùng đa dạng, dồi dào, hoạt động vận tải đảm bảo thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu của Nhân dân

5.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Ước tính cả năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng đạt 67.023,1 tỷ đồng, tăng 20,96% so với năm trước. Cụ thể từng lĩnh vực:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 59.636,6 tỷ đồng, chiếm 88,98% tổng mức, tăng 20,86% so với năm 2021. Doanh thu tăng ở tất cả 12 nhóm hàng, trong đó tăng cao nhất ở nhóm hàng xăng dầu tăng 91,77% so với cùng kỳ; nhóm hàng may mặc tăng 37,17%; ô tô các loại tăng 34,75%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 29,72%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 17,71%...

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 4.774,2 tỷ đồng, chiếm 7,12% tổng mức, tăng 25,11%; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 427,5 tỷ đồng, tăng 57,26%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 4.219,7 tỷ đồng, tăng 20,15%; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành ước đạt 127 tỷ đồng, tăng mạnh 296,96% so với năm 2021. Với việc kiểm soát thành công đại dịch Covid-19, trong năm 2022, du lịch Vĩnh Phúc đã phục hồi mạnh mẽ và đạt được những kết quả ấn tượng. Đặc biệt, khu du lịch Tam Đảo trở thành Khu du lịch Quốc gia thứ 7 của Việt Nam và được Tổ chức World Travel Awards vinh danh là thị trấn du lịch hàng đầu thế giới năm 2022; trong năm, đã thu hút hàng triệu lượt khách tham quan.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng: ước đạt 2.612,3 tỷ đồng, chiếm 3,9% tổng mức và tăng 16,07% so với năm 2021. Các ngành dịch vụ đều ghi nhận doanh thu tăng khá so cùng kỳ, trong đó: dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trừ dịch vụ lữ hành) ước đạt 838,7 tỷ đồng, tăng 13,64%; dịch vụ giáo dục và đào tạo ước đạt 45,2 tỷ đồng, tăng 18,96%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 243,4 tỷ đồng, tăng 26,13%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 360,2 tỷ đồng, tăng 9,59%; dịch vụ khác ước đạt 575,8 tỷ đồng, tăng 23,16%.

5.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Năm 2022, hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh có sự tăng trưởng khá so với cùng kỳ, nhất là từ quý Hai, khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt tại tỉnh và trong cả nước. Ước tính, doanh thu hoạt động vận tải đạt 4.966,6 tỷ đồng, tăng 35,38% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 911,3 tỷ đồng, tăng 94,59%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 3.909,7 tỷ đồng, tăng 25,17% so với cùng kỳ. Tổng khối lượng luân chuyển hành khách năm 2022

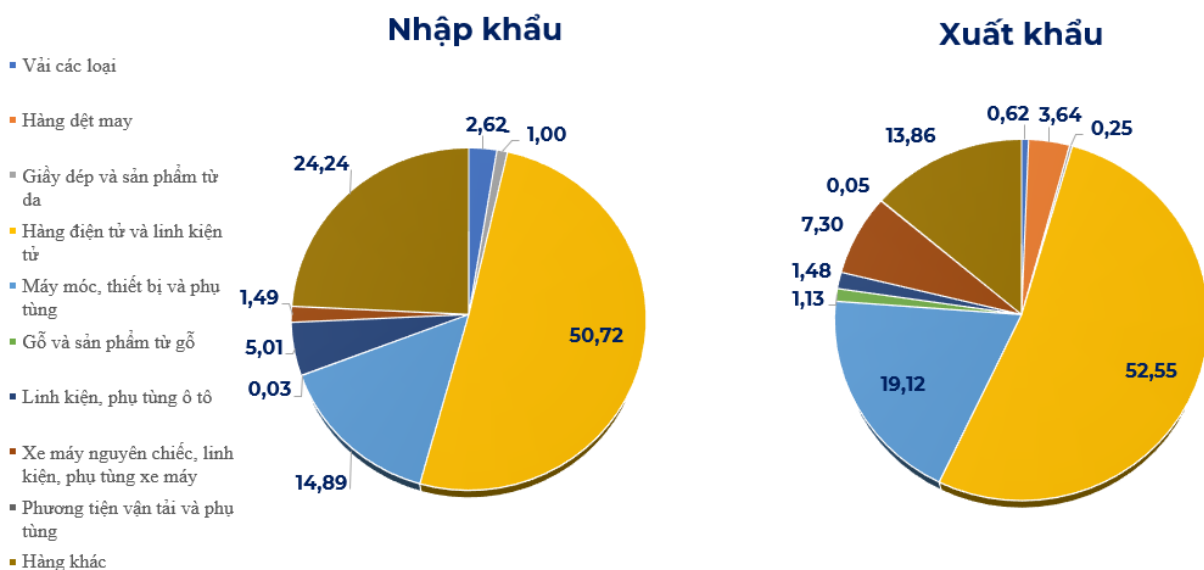
ước đạt 1.170.231 nghìn HK.km, tăng 65,18%; tổng khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 2.849.510 nghìn tấn.km, tăng 27,69% so với cùng kỳ.

5.3. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Theo số liệu báo cáo của Chi cục Hải quan tỉnh Vĩnh Phúc, kim ngạch xuất khẩu tính đến ngày 15/12/2022 trên địa bàn ước đạt 14.981 triệu USD, tăng 21,09% so với cùng kỳ. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ước tính đạt 7.872 triệu USD, tăng 14,37% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 52,55% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 2.864 triệu USD, tăng 74,43% và chiếm 19,12%. Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 1.094 triệu USD, tăng 18,29% và chiếm 7,30%. Nhóm dệt may ước đạt 545,9 triệu USD, tăng 4,86% và chiếm 3,64%. Nhóm linh kiện, phụ tùng ô tô ước đạt 221,4 triệu USD, tăng 38,23% và chiếm 1,48%...

Tính đến ngày 15/12/2022, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 13.703 triệu USD, tăng 16,42% so với cùng kỳ. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu, nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ước tính đạt 6.950 triệu USD, tăng 22,02% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 50,72% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 2.041 triệu USD, tăng 11,95% và chiếm 14,89%. Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 204 triệu USD, tăng 18,28% và chiếm 1,49%. Nhóm linh kiện phụ tùng ô tô ước đạt 687 triệu USD, tăng 7,88% và chiếm 5,01%...

Hình 6: Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu trên địa bàn tính đến ngày 15/12/2022 (%)



II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước: Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ, các chính sách miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí được thực hiện hiệu quả, kịp thời, chính xác đã thúc đẩy quá trình sản xuất của doanh nghiệp, đồng thời kích cầu nhu cầu tiêu dùng của người dân, qua đó đóng góp tích cực đến nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Biểu 3. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến 15/12/2022

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Thời điểm 15/12/2022	Thời điểm 15/12/2021	Tốc độ tăng (%)	Cơ cấu thu NSNN năm 2022 (%)	So với DT HĐND (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+...+IV)	36.071.411	30.976.223	116,45	100,00	113,10
I. Thu nội địa	29.552.954	25.741.904	114,80	81,93	108,34
Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+ĐP)	195.643	227.333	86,06	0,54	85,81
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	22.030.661	16.937.000	130,07	61,08	101,48
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.441.958	1.331.891	108,26	4,00	117,42
Thuế thu nhập cá nhân	1.251.818	1.070.530	116,93	3,47	116,99
Các khoản thu về nhà, đất	3.323.882	4.700.201	70,72	9,21	192,91
II. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	6.495.227	4.827.470	134,55	18,01	140,74
1. Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	6.495.227	4.827.470	134,55	18,01	140,74
2. Hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.174.297	2.771.787	186,68	14,34	-
III. Thu viện trợ	-	-	-	-	-
IV. Các khoản thu khác	23.230	406.849	5,71	0,06	-

Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước tính đến 15/12/2022, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 36.071 tỷ đồng, tăng 16,45% so với cùng kỳ, vượt 13,10% so với dự toán đầu năm, là mức thu cao nhất từ trước đến nay. Tác động lớn nhất tới mức tăng của thu ngân sách năm 2022 là nguồn thu từ nội địa với 29.553 tỷ đồng, tăng 14,80%, vượt 8,34% dự toán năm, thu từ khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiếp tục là động lực đóng góp chính vào nguồn thu ngân sách của tỉnh với 22.031 tỷ đồng, tăng 30,07% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng mạnh do trong năm 2022, thực hiện chính sách miễn giảm 50% thuế trước bạ đối với các dòng xe sản xuất, lắp ráp trong nước và giảm 2% thuế GTGT đối với một số hàng hóa theo quy định của Chính Phủ đã đẩy mạnh sản lượng xe ô tô sản xuất,

lắp ráp cũng như các hàng hóa khác trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các khoản thu ngân sách trong năm 2022 đều vượt so với dự toán năm, trong đó, các khoản thu từ nhà đất vượt dự toán lớn nhất với 3.324 tỷ đồng, vượt 92,91% dự toán; trong khi đó thu từ thuế bảo vệ môi trường là khoản thu đạt tỷ lệ thấp nhất với 303 tỷ đồng, chỉ đạt 57,68% dự toán.

Chi ngân sách nhà nước: Thực hiện chủ trương thắt chặt và giảm chi tiêu NSNN để góp phần kiềm chế lạm phát, đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập mà vẫn đáp ứng được nhu cầu cho đầu tư phát triển và kinh phí hoạt động của các cấp, các ngành, các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo đầy đủ, kịp thời vốn cho các dự án được ghi kế hoạch năm 2022 và thực hiện chủ trương nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, rà soát và đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm để đưa vào sử dụng. Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/12/2022 đạt 20.807 tỷ đồng, tăng 4,42% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 11.213 tỷ đồng, tăng 8,42%; chi thường xuyên đạt 9.551 tỷ đồng, tăng 0,71% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Năm 2022, tình hình kinh tế thế giới đã và đang có nhiều biến động phức tạp, giá cả hàng hóa tăng cao, chuỗi cung ứng, sản xuất tại nhiều quốc gia bị gián đoạn, lãi suất thế giới tăng mạnh đã tác động làm tăng lạm phát quốc tế, tạo áp lực gia tăng lạm phát trong nước. Để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành với tổng mức tăng là 2%/năm¹⁴. Do đó, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn có xu hướng tăng so với cuối năm 2021 (lãi suất tiền gửi bình quân tăng 0,52%/năm, lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 0,4%/năm) chủ yếu do nhu cầu tín dụng tăng cao nhằm đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế phục hồi trở lại; cụ thể: Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 5-11,7%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,8-9,2%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2022 ước đạt 117.500 tỷ đồng, tăng 15,15%

¹⁴ Tăng 0,8-2% lãi suất tiền gửi tối đa bằng VNĐ kỳ hạn đến 6 tháng (trừ lãi suất tiền gửi bằng VNĐ đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6%/năm); tăng 1%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (hiện là 5,5%/năm).

so với cuối năm 2021. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 84.500 tỷ đồng, tăng 19,33%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 33.000 tỷ đồng, tăng 5,68% so với cuối năm 2021. Phân theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể ước đạt 52.000 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 55,75% tổng dư nợ, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế hộ gia đình; khu vực doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH, doanh nghiệp FDI... ước đạt 62.500 tỷ đồng, chiếm 44,25% tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo NĐ 31 và Thông tư 03 đến lũy kế từ đầu chương trình đến nay có 50 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 1.672,94 triệu đồng, trong đó: 09 DN được HTLS 1.629,07 triệu đồng; 41 hộ kinh doanh được HTSL 43,87 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay được HTLS đến cuối kỳ đạt 888,51 tỷ đồng.

Hình 8. Tổng dư nợ cho vay và tổng nguồn vốn huy động ước tính thời điểm 31/12/2022



Tổng nguồn vốn huy động đến 31/12/2022 ước đạt 108.000 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cuối năm 2021. Trong bối cảnh các kênh đầu tư phổ biến như: vàng, chứng khoán, bất động sản... gặp nhiều biến động, cùng với việc điều chỉnh tăng lãi suất huy động và đa dạng hình thức gửi tiết kiệm tại một số ngân hàng thương mại trong thời gian qua đã thu hút không nhỏ lượng tiền gửi của các tổ chức kinh tế và dân cư quay trở lại hệ thống ngân hàng, cụ thể: tiền gửi các tổ chức kinh tế ước đạt 39.200 tỷ đồng tăng 20,02%; tiền gửi tiết kiệm ước đạt 68.000 tỷ đồng, tăng 7,75% so với cuối năm 2021. Ngoài nguồn vốn huy động tại địa phương, các tổ chức tín dụng trên địa bàn nhận vốn điều hoà từ Hội sở chính để tăng nguồn, bù đắp thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu vốn của nền kinh tế. Dự kiến đến 31/2/2022, nợ xấu là 830 tỷ đồng giảm 1,97% so với tháng 12/2021, chiếm tỷ lệ 0,71% trên tổng dư nợ.

3. Bảo hiểm

Thị trường lao động việc làm trên địa bàn tỉnh có sự hồi phục và phát triển

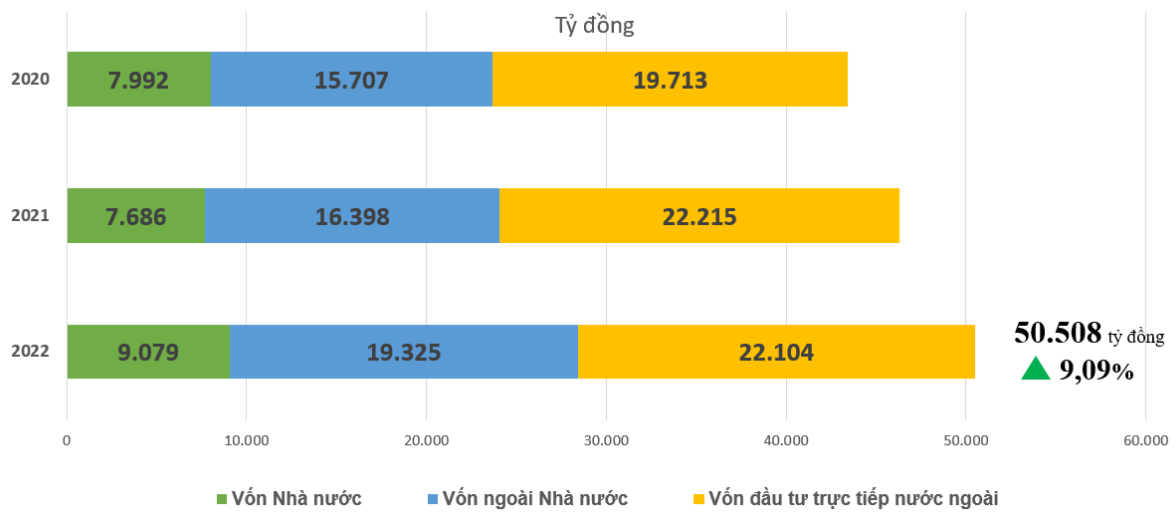
trong nửa cuối năm 2022, tạo điều kiện thuận lợi cho mục tiêu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT). Năm bắt được xu hướng, BHXH tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đến nhân dân, tạo sự lan tỏa sâu rộng, nhất là đối với nhóm đối tượng là nông dân, người lao động tự do.

Ước tính đến 31/12/2022, toàn tỉnh có 268.499 người tham gia BHXH (*bao gồm: BHXH bắt buộc: 248.499 người; BHXH tự nguyện: 20.000 người*); tham gia BH thất nghiệp có 240.657 người; tham gia BHYT có 1.131.219 người. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại đến hết tháng 12 năm 2022 ước đạt 5.857,3 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao và tăng 8,93% so với cùng kỳ năm 2021. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Qua đó, trong năm 2022 BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH mới hàng tháng cho 759 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 9.238 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 225.413 lượt người; lập danh sách chi trả cho 11.132 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

4. Hoạt động đầu tư

Nhận định hoạt động đầu tư tiếp tục đóng vai trò là nhân tố chính dẫn dắt tăng trưởng kinh tế; công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được xác định là một trong các nhiệm vụ quan trọng góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư. Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, đặc biệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư, góp phần kích cầu đầu tư xã hội, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2022 ước đạt 50.508 tỷ đồng, tăng 9,09% so với năm 2021, tăng cao nhất là khu vực vốn Nhà nước ước đạt 9.079 tỷ đồng, tăng 18,13%, đạt 82,51% kế hoạch năm 2022. Nguyên nhân do tỉnh đã thành lập Tổ công tác đặc biệt thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công ở cấp tỉnh và cấp huyện; phân công các đồng chí Lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công của các dự án trọng điểm; yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể, cam kết tiến độ thực hiện và giải ngân vốn năm 2022 của từng dự án.

Hình 9: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2022

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế có sự phục hồi tốt sau đại dịch, nhu cầu đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ dân cư, doanh nghiệp trong nước tăng, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài Nhà nước. Năm 2022, vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 19.325 tỷ đồng, tăng 17,85%, trong đó, vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và vốn đầu tư cho xây dựng nhà ở của hộ dân cư ước đạt 17.618 tỷ đồng, tăng 21,04% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 22.104 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,50% so với năm 2021.

Thu hút đầu tư: Để chủ động thu hút, đón nhận các dòng vốn FDI chất lượng, tỉnh đã tăng cường các hoạt động xúc tiến, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu tư, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh¹⁵. Trong năm, tỉnh đã tổ chức thành công một số hội nghị xúc tiến đầu tư quan trọng như “Hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022”; “Hội nghị Vĩnh Phúc trong kết nối hợp tác và phát triển Việt Nam - Nhật Bản năm 2022”; phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp Đài Loan khu vực phía Nam; Tổ chức hội nghị “Vĩnh Phúc - Điểm đến đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc” năm 2022,... Tổ chức thành công một số đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại một số quốc gia như: Hàn Quốc, Singapore và Malaysia.

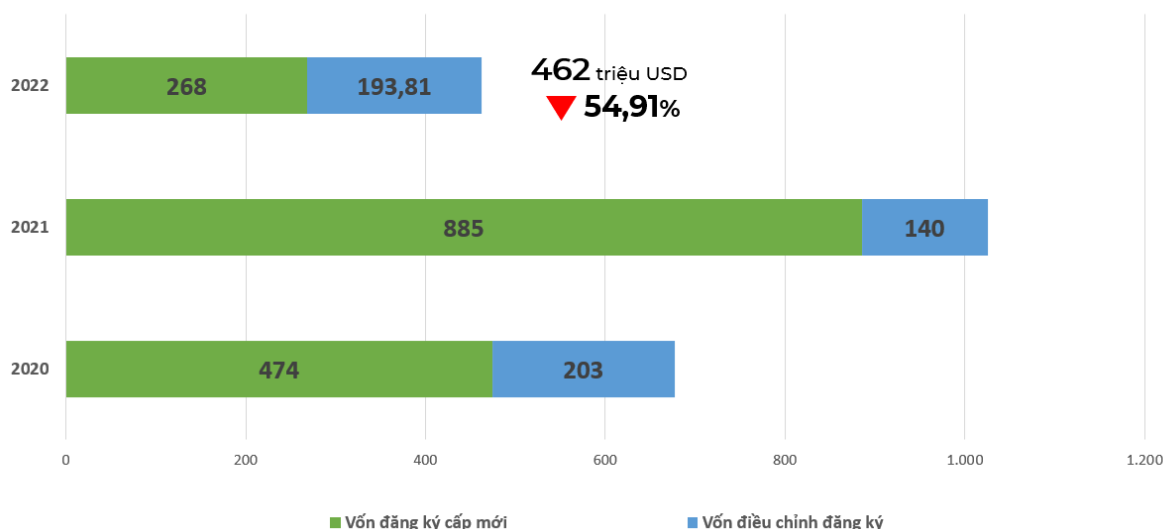
Thu hút vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh năm 2022 có sự phát triển về số vốn đăng ký mới ở khu vực đầu tư trong nước (DDI) và vốn đăng ký điều chỉnh ở khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đến ngày 15/12/2022,

¹⁵ Năm 2021, chỉ số PCI của tỉnh Vĩnh Phúc đứng thứ 5/63 toàn quốc (tăng 24 bậc); chỉ số cải cách hành chính PARINDEX đứng thứ 5 toàn quốc (tăng 10 bậc).

tỉnh đã thu hút được 28 dự án DDI với tổng vốn đăng ký đạt 12.371 tỷ đồng, bằng 56,65% so với cùng kỳ nhưng vượt 17,82% kế hoạch đề ra¹⁶. Trong đó vốn ký cấp mới cho 17 dự án đạt 10.607 tỷ đồng, tăng 5,46%; vốn đăng ký điều chỉnh cho 11 dự án đạt 1.764 tỷ đồng, bằng 14,97% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 10: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến ngày 15/12 qua các năm 2020-2022



Đầu tư trực tiếp nước ngoài thu hút được 70 dự án FDI (31 dự án cấp mới, 39 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 462,10 triệu USD, bằng 45,09% so với cùng kỳ, vượt 2,69% kế hoạch năm¹⁷. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới cho 31 dự án FDI đạt 268,30 triệu USD, bằng 30,31% so với cùng kỳ, nguyên nhân do năm 2021, tỉnh đã thu hút được 01 dự án lớn với tổng mức đầu tư lên tới 611 triệu USD; vốn đăng ký điều chỉnh cho 39 dự án đạt 193,81 triệu USD, tăng 38,56% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu cho thấy Vĩnh Phúc là môi trường đầu tư tin cậy, lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Các dự án thu hút được chủ yếu tập trung ở lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 458,23 triệu USD cho 66 dự án, trong đó ngành mũi nhọn là sản xuất linh kiện điện tử với 173,06 triệu USD cho 50 dự án. Trong năm, Hàn Quốc là nước dẫn đầu về số dự án thu hút được là 40 dự án (18 dự án cấp mới, 22 dự án điều chỉnh vốn đăng ký) với tổng vốn đăng ký 138 triệu USD, trong khi Nhật Bản

¹⁶ Theo chỉ tiêu Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 21/12/2021, thu hút đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) ước đạt 10.500 tỷ đồng.

¹⁷ Theo chỉ tiêu Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 21/12/2021, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ước đạt 450 triệu USD.

là nước có số vốn thu hút trong kỳ cao nhất với 250 triệu USD (đầu tư 04 dự án cấp mới, 09 dự án điều chỉnh vốn đăng ký). Hàn Quốc, Nhật Bản tiếp tục là những nhà đầu tư tiềm năng và gắn bó với phát triển kinh tế của tỉnh trong suốt những năm qua, các dự án đầu tư của 02 quốc gia này có mặt ở hầu hết các khu công nghiệp trong tỉnh và trải dài trên nhiều lĩnh vực, trong đó, chủ yếu là lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo.

5. Chỉ số giá

Năm 2022 chứng kiến nhiều sự biến động trên thị trường hàng hóa thế giới và trong nước, nửa đầu năm sự kiện xung đột Nga – Ukraine và các biện pháp phong tỏa ở Trung Quốc tác động làm đứt gãy chuỗi cung ứng, sản xuất hàng hóa trên toàn cầu, từ đó đẩy giá năng lượng và các mặt hàng thiết yếu lên cao. Đến nửa cuối năm 2022, nhờ có sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành thị trường hàng hóa đã dần ổn định trở lại, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hai tháng cuối năm có xu hướng giảm.

So với tháng trước, CPI tháng 12 giảm 0,19%, giảm ở 4/11 nhóm hàng chính, trong đó giảm sâu nhất ở nhóm giao thông với mức giảm 3,02%, tác động làm CPI chung giảm 0,28 điểm %, do trong kỳ giá xăng dầu tiếp tục điều chỉnh giảm 3 lần liên tiếp, đồng thời các hãng xe máy giảm giá bán xe¹⁸ trong tháng bằng nhiều hình thức khuyến mại nhằm kích cầu người tiêu dùng dịp cuối năm. Tiếp theo là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,15%, tác động làm CPI giảm 0,22 điểm % do thời tiết rét đậm, nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt của người dân giảm, cùng với đó mặt hàng dầu hỏa được điều chỉnh giảm 7,39% so với tháng trước. Cùng chiều, các mặt hàng điện tử, thiết bị viễn thông giảm nhẹ so với tháng trước do các cửa hàng, siêu thị thực hiện chính sách giảm giá, thanh lý các dòng sản phẩm cũ, tác động làm chỉ số nhóm bưu chính viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí – du lịch giảm lần lượt là 0,17% và 0,53%. Ở chiều ngược lại, có tới 7/11 nhóm hàng tăng giá trong đó tăng cao nhất là nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2%, tác động làm CPI tăng 0,14 điểm phần trăm, do thời tiết chuyển mùa rét đậm, nhu cầu tiêu dùng của người dân cho các sản phẩm may mặc mùa đông tăng cao, làm cho giá các mặt hàng này tăng theo. Trong tháng, do ảnh hưởng thời tiết tiêu cực, các loại rau xanh chậm phát triển, dẫn tới nguồn cung ra thị trường bị thiếu hụt, do vậy giá các mặt hàng này đã tăng mạnh¹⁹; trong khi đó, để đảm bảo lượng hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân tháng giáp Tết và cho xuất khẩu,

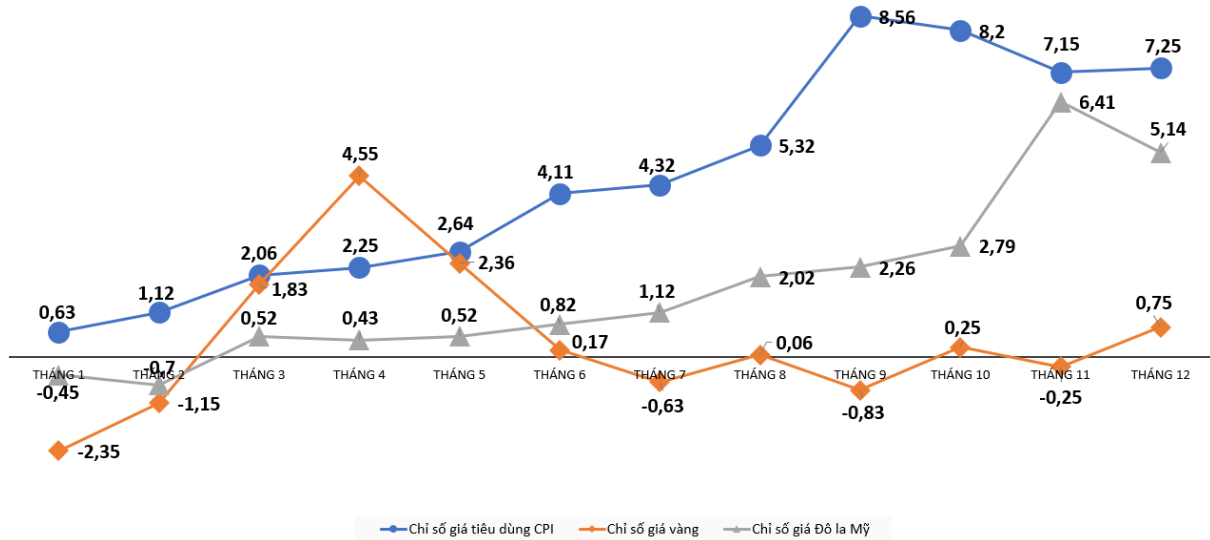
¹⁸ Giá bán xe máy các loại giảm 4,99% so với tháng 11/2022.

¹⁹ Giá một số loại rau, củ tăng đột biến như: bắp cải tăng 31,05%, đỗ quạ tăng 45,94%, su hào tăng 40,07%; rầu muống tăng 29,75%; rau tươi khác tăng 43,80%; nhóm rau chế biến các loại tăng 34,68%; nhóm rau khô các loại tăng 2,77%...

các thương lái đã đẩy mạnh thu mua số lượng lớn hàng hóa lương thực, dẫn tới giá các mặt hàng lương thực tăng; tác động làm chỉ số nhóm thực phẩm và nhóm lương thực tăng 0,08% và 1,36% Các nhóm hàng hóa khác tăng nhẹ.

CHỈ SỐ GIÁ CÁC THÁNG NĂM 2022

(So với tháng cùng kỳ năm trước %)



Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước, là năm tăng cao nhất trong giai đoạn 2018-2022. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm giáo dục với mức tăng 16,37%, tác động CPI tăng 1,06 điểm % do điều chỉnh mức thu học phí tăng cao trong năm học 2022-2023. Giá xăng dầu đã lập đỉnh trong 6 tháng đầu năm và có xu hướng giảm trong những tháng cuối năm nhưng tính chung cả năm giá xăng vẫn duy trì ở mức cao, tăng 24,24% so với cùng kỳ, tác động CPI tăng 0,82 điểm %. Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 11,38%, do giá nguyên vật liệu chế biến và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng, làm cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,08%, tác động làm CPI chung tăng 0,73 điểm phần trăm. Giá các loại vật liệu xây dựng trong năm tăng 9,54%, tác động làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm. Ở chiều ngược lại, giá các loại thịt gia súc giảm sâu so với cùng kỳ (giảm 5,49%), chủ yếu giảm ở nhóm thịt lợn và giảm sâu hơn ở các tháng đầu năm, đã tác động làm CPI chung giảm 0,33 điểm phần trăm.

Giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 12/2022, chỉ số giá vàng tăng 0,82% so với tháng trước, giá vàng bình quân là 5.506 nghìn đồng/chi. Giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do giảm 0,33% so với tháng trước, giá bán bình quân là 24.340 đồng/USD. Bình quân cả năm 2022, chỉ số giá vàng tăng 0,38%, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 1,79 % so với cùng kỳ năm trước.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, đã tạo bước đà quan trọng để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các hoạt động văn hóa, thể thao trở lại bình thường. Tuy nhiên, giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân trên địa bàn. Trong bối cảnh đó, để góp phần ổn định và nâng cao đời sống Nhân dân, tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai và thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, nhiều chế độ, chính sách mới được áp dụng, kịp thời giúp người dân giảm thiểu được phần nào các khó khăn, nhất là những người yếu thế, người có thu nhập thấp, nhờ đó, an sinh xã hội được bảo đảm; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

1. Dân số, lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Dân số: Dân số trung bình năm 2022 của tỉnh Vĩnh Phúc ước tính 1.197,6 nghìn người, tăng 5.835 người, tương đương mức tăng 0,49% so với năm 2021, tăng cao ở khu vực thành thị (tăng 3,64%). So với năm 2021, cơ cấu dân số chuyển dịch theo xu hướng tăng dân số khu vực thành thị, giảm dân số khu vực nông thôn: dân số khu vực thành thị năm 2022 là 371,4 nghìn người, chiếm 31,01%; dân số khu vực nông thôn 826,2 nghìn người chiếm 68,99% (Tỷ lệ này năm 2021 lần lượt là 30,07% và 69,93%) Cơ cấu chia theo giới tính không có nhiều biến động so với năm 2021: dân số nam 597,0 nghìn người, chiếm 49,85%; dân số nữ 600,6 nghìn người, chiếm 50,15% (năm 2021 là 49,84% và 50,16%).

Lao động việc làm: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính 583,9 nghìn người, tăng 0,94% so với năm 2021. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 575,5 nghìn người, tăng 5,5 nghìn người so với năm trước, chiếm 47,7% dân số.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm thực hiện. Các hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm được triển khai linh hoạt, trong đó Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh đã tổ chức được 21 phiên giao dịch việc làm, có 180 doanh nghiệp đăng ký tham gia và đã sơ tuyển được 1.263 người. Ước cả năm 2022 toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 19.730 lao động, bằng 116,1% so với kế hoạch và tăng 4% so với năm 2021, trong đó 18.949 lao động trong nước⁽²⁰⁾ và 781 người đi lao động ở nước ngoài.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội: Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 đã được ban hành và tổ chức triển khai. Các hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan

20 Gồm: 9.346 người trong lĩnh vực Công nghiệp-Xây dựng; 3.399 trong lĩnh vực Nông-Lâm - Ngư nghiệp và 6.204 người trong lĩnh vực Du lịch - Dịch vụ.

tâm hỗ trợ từ các cấp chính quyền cùng với sự tham gia của các đơn vị, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, theo đó đã có 2.882 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ hơn 3,1 tỷ đồng; 4.274 hộ nghèo còn lại, hộ cận nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội và hộ có hoàn cảnh khó khăn khác được hỗ trợ hơn 2,1 tỷ đồng... Chính sách hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo theo Nghị quyết 14/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh tiếp tục được các địa phương tổ chức thực hiện với 872 đối tượng, được hỗ trợ hơn 1,9 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2022 giảm còn 1,08% (giảm 0,43 điểm % so với năm 2021).

Chính sách ưu đãi đối với người có công, các đối tượng chính sách tiếp tục được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, nhất là trong các dịp lễ tết. Các hoạt động tri ân các anh hùng, thương binh, liệt sỹ, gia đình và người có công với cách mạng được thực hiện hiệu quả trong đó đã thực hiện tặng quà của Chủ tịch nước và UBND tỉnh nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sỹ cho 81.333 lượt đối tượng, tổng số tiền trên 28,4 tỷ đồng. Công tác chăm sóc, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được duy trì với những hoạt động thiết thực, hiệu quả.

2. Giáo dục, đào tạo

Trong năm 2022, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, chỉ đạo hoàn thiện các cơ chế, chính sách đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo. Kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia năm 2022 có 8 giải nhất, 18 giải nhì, 15 giải ba, 21 giải khuyến khích, tỷ lệ đạt giải là 67,4%, đứng thứ ba cả nước; đặc biệt tỉnh có 2 học sinh đạt huy chương đồng tại kỳ thi Olympic Toán quốc tế (IMO) và kỳ thi Olympic Vật Lý châu Á - Thái Bình Dương (APhO) năm 2022. Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, tốt nghiệp THPT năm 2022 được tổ chức thành công, điểm trung bình các môn thi của tỉnh xếp thứ 2 toàn quốc, tỷ lệ tốt nghiệp THPT của tỉnh đạt 99,97%, cao nhất từ trước đến nay.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo. Trong năm học 2021-2022, ngân sách tỉnh đầu tư 208,7 tỷ đồng trang bị thiết bị dạy học cho các trường học trong tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học phát huy tính hiệu quả của nguồn vốn đầu tư.

Công tác đào tạo nghề: Công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS được quan tâm và duy trì, các trường chuyên nghiệp và đào tạo nghề đã tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, đánh giá kết quả học tập của người học gắn với năng lực thực hiện, bước đầu áp dụng chương trình đào tạo đảm bảo tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập theo hướng đáp ứng chuẩn đầu ra của học sinh tốt nghiệp. Ước năm 2022, tuyển mới giáo dục nghề nghiệp đạt 28.787 người, đạt 104% kế hoạch, trong đó: trình độ cao đẳng

1.533, trung cấp 5.962 người và sơ cấp: 21.292 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 79% tăng 1,8% so với năm 2021.

3. Y tế

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh được kiểm soát tốt. Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng COVID-19 của tỉnh đạt cao so với mức bình quân chung của cả nước. Từ ngày 01/1/2022 đến ngày 17/12/2022 số ca nhiễm COVID-19 trên địa bàn tỉnh là 367.564 ca. Tổng số trẻ đã được tiêm phòng là 147.829 trẻ (đạt 93,7% trẻ trong độ tuổi), trong đó có 111.316 trẻ đã được tiêm mũi 2 vắc xin.

Công tác giám sát, phòng, chống các dịch bệnh khác như bệnh đậu mùa khỉ, bệnh viêm gan cấp ở trẻ em, bệnh cúm mùa... và các chương trình dân số - y tế được triển khai hiệu quả. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, 100% trạm y tế xã có bác sỹ làm việc, 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi, 100 % trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ bác sỹ trên vạn dân đạt 14,4; giường bệnh đạt 40,4 giường bệnh trên vạn dân.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, tập trung vào các đợt cao điểm như tháng cao điểm về An toàn thực phẩm, Tết Nguyên đán và Mùa lễ hội xuân năm 2022; tháng hành động vì chất lượng an toàn thực phẩm năm 2022... Xử lý kịp thời phản ánh của người dân và du khách về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, an toàn thực phẩm. Năm 2022, tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành thanh, kiểm tra được 3.936 cơ sở/4.095 cơ sở (tăng 206 cơ sở so với cùng kỳ năm trước); số cơ sở đạt tiêu chuẩn điều kiện an toàn thực phẩm chiếm tỷ lệ 87% đạt kế hoạch giao, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Công tác truyền thông về phòng chống HIV/AIDS tới cộng đồng được các ngành chức năng quan tâm thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến ngày 31/11/2022: Lũy tích có 4.917 người nhiễm HIV (số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.372 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.382 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 1.565 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.102 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 898 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.815 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.474 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.095 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em).

4. Văn hóa, thể thao

Các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân, hoạt động ngày hội sách... được thực hiện linh hoạt, hiệu quả. Trong những tháng đầu năm khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật được chuyển đổi từ trực tiếp sang trực tuyến, ghi âm, ghi hình, phát sóng lại phục vụ nhân dân và công nhân lao động. Từ cuối tháng 3/2022 các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đã được tổ chức trực tiếp trở lại và nhận được sự ủng hộ, đón xem của Nhân dân, điển hình là các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của dân tộc, các buổi biểu diễn trên tuyến đường đi bộ trước Quảng trường Hồ Chí Minh vào các ngày lễ lớn và cuối tuần, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm. Tỉnh đã tổ chức và phát động phong trào chạy Olympic, các hoạt động trong khuôn khổ Đại hội thể dục thể thao các cấp. Các đội thể thao thành tích cao tiếp tục được duy trì tập luyện và tham gia các giải đấu trong nước, quốc tế và đã đạt tổng số huy chương các loại gồm: 26 huy chương vàng, 23 huy chương bạc, 34 huy chương đồng. Tổ chức thành công 2 môn Muay và Golf thuộc khuôn khổ Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (Seagame 31), đặc biệt các vận động viên của tỉnh tham gia đội tuyển quốc gia đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với thành tích 6 huy chương vàng; tổ chức thành công bảng B giải Bóng chuyền quốc gia Cúp Hóa chất Đức Giang và giải Bắn súng vô địch các nhóm tuổi thanh thiếu niên quốc gia năm 2022...

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội và tai nạn giao thông

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh, các sự kiện chính trị, xã hội của đất nước, của địa phương, trọng tâm là Seagames 31 được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng được đẩy mạnh. 100% các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đã nhanh chóng được điều tra làm rõ; số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 21,8% so với năm 2021; tội phạm ma túy được tập trung đấu tranh đã phát hiện, bắt giữ 314 vụ với 348 đối tượng; khởi tố 53 vụ với 79 bị can, xử lý hành chính 645 vụ với 646 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế; phát hiện, xử phạt 634 vụ, việc với 637 đối tượng vi phạm về môi trường, khởi tố 4 vụ với 5 bị can.

Tình hình tai nạn giao thông: Lực lượng Cảnh sát Giao thông của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trong đợt cao điểm đảm bảo trật tự an toàn giao thông dịp Tết nguyên đán Quý Mão và các Lễ hội đầu xuân 2023. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra

04 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm cho 03 người chết và 07 người bị thương. Tính chung cả năm, đã xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm cho 30 người chết và 25 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ không thay đổi nhưng làm tăng 01 người chết.

6. Tình hình cháy nổ, bảo vệ môi trường và thiên tai

Tình hình cháy nổ: Công tác phòng chống cháy nổ được quan tâm. Các hình thức tuyên truyền về phòng chống cháy nổ được triển khai sâu rộng, đa dạng qua hệ thống phát thanh tại các điểm giao thông, hệ thống truyền thanh xã, phường và các cơ quan thông tin đại chúng; đồng thời đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy” nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong công tác phòng cháy chữa cháy... Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 05 vụ cháy (gồm: 02 vụ cháy nhà ở kết hợp kinh doanh, 01 vụ Chợ, 01 vụ cháy phương tiện giao thông, 01 vụ cháy rừng), giá trị thiệt hại là 105 triệu đồng và 50m² rừng. Cộng dồn từ đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 29 vụ cháy, bị thương 01 người, giá trị thiệt hại trên 2.951 triệu đồng và 1.400m² rừng.

Vi phạm môi trường: Năm 2022, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện 446 vụ, xử lý 422 vụ, số tiền đã xử phạt 2.894 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ VPMT phát hiện tăng 375 vụ, số vụ đã xử lý tăng 372 vụ và số tiền xử phạt tăng 1.745 triệu đồng.

Tình hình thiên tai: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 04 đợt mưa lớn gây thiệt hại cả về người và tài sản. Làm cho 07 người chết, 01 người bị thương; nhiều diện tích gieo trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản bị ngập lụt; kênh mương bị sạt lở; giá trị thiệt hại 883,3 tỷ đồng. Ngay sau khi có mưa lớn xảy ra, tỉnh Vĩnh Phúc đã khẩn trương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai nên đã giảm thiểu được thiệt hại, sản xuất và đời sống nhân dân dần được khôi phục và trở lại bình thường

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong